TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **146**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2026
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình.

Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 787/2026/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Ngọc Trịnh S**, sinh năm 1997;

Căn cước công dân số 075097000582 cấp ngày 10/04/2021.

Địa chỉ cư trú: Khu dân cư mới, khu E, ấp H, xã H, Thành phố Đ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Hoài Mỹ D**, sinh năm 1998;

Căn cước công dân số 075198005683 cấp ngày 21/10/2023.

Địa chỉ cư trú: Khu dân cư mới, khu E, ấp H, xã H, Thành phố Đ.

(Ông S và bà D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn ông Lê Ngọc Trịnh S trình bày:***

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Hoài Mỹ D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Đ) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94/2017, ngày 15/12/2017.

Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc nhưng trong quá trình chung sống thì vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn trong vấn đề tình cảm, không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình không hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể nào kéo dài, mục đích hôn nhân không đặt được nên ông xin ly hôn với bà Nguyễn Hoài Mỹ D.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Lê Ngọc Mỹ U, sinh ngày 06/7/2018 và cháu Lê Ngọc Khánh H, sinh ngày 12/6/2019. Ly hôn, ông S đồng ý giao cả hai cháu cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, gio dục.

- Về cấp dưỡng: Ông S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng/02 con (tức là 1.500.000 đồng/tháng/con).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn bà Nguyễn Hoài Mỹ D có văn bản trình bày nội dung như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Ngọc Trịnh S tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Đ), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì ông S ngoại tình, bất đồng quan điểm hay cãi vả nhau. Hiện nay cả hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, bà cũng không còn tình cảm gì với ông S nữa. Bà cũng muốn ly hôn nhưng do bà có Đ nên bà không thể ký đơn ly hôn để gửi Tòa án ly hôn. Bà đề nghị Tòa án cho ông S ly hôn, bà không thắc mắc khiếu nại gì.

- Về con chung: Có 02 con chung cháu Lê Ngọc Mỹ U, sinh ngày 06/7/2018 và cháu Lê Ngọc Khánh H, sinh ngày 12/6/2019. Ly hôn bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Bà yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng/02 con (tức là 1.500.000 đồng/tháng/con)

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu câu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu câu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Lê Ngọc Trịnh S, cho ông Lê Ngọc Trịnh S được ly hôn với bà Nguyễn Hoài Mỹ D; Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Mỹ U, sinh ngày 06/7/2018 và cháu Lê Ngọc Khánh H, sinh ngày 12/6/2019 cho bà Nguyễn Hoài M Duyên trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Ông S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng/02 con (tức là 1.500.000 đồng/tháng/con); Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Ông Lê Ngọc Trịnh S phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Ngọc Trịnh S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Hoài Mỹ D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Lê Ngọc Trịnh S là nguyên đơn, bà Nguyễn Hoài Mỹ D là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Hoài Mỹ D hiện nay đang cư trú tại Khu dân cư mới, khu E, ấp H, xã H, Thành phố Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc Trịnh S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Ngọc Trịnh S và bà Nguyễn Hoài Mỹ D có đơn xin vắng mặt tại các phiên toà xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông S và bà D cũng đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc Trịnh S, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lê Ngọc Trịnh S và bà Nguyễn Hoài Mỹ D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, thành phố Đ) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94/2017, ngày 15/12/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau vài năm trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống và nhiều mâu thuẫn khác. Quá trình giải quyết vụ án và hoà giải ông S vẫn cương quyết ly hôn với bà D vì không còn tình cảm gì với bà D nữa. Bà D cũng có văn bản trình bày không còn tình

cảm với ông S, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Lê Ngọc Trịnh S được ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà D là có thật, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên việc ông S xin ly hôn là chính đáng. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Lê Ngọc Trịnh S được ly hôn với và bà Nguyễn Hoài Mỹ D.

[5] Về con chung: Ông Lê Ngọc Trịnh S và bà Nguyễn Hoài Mỹ D xác định vợ chồng ông bà có 02 con chung cháu Lê Ngọc Mỹ U, sinh ngày 06/7/2018 và cháu Lê Ngọc Khánh H, sinh ngày 12/6/2019. Khi ly hôn, bà Nguyễn Hoài Mỹ D yêu cầu giao hai con chung cho bà Nguyễn Hoài M Duyên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông S đồng ý và cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/02 con (tức là 1.500.000 đồng/tháng/con).

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay hai cháu U và H đang sinh sống với bà D, vẫn được đi học và được bà D chăm sóc, giáo dục. Theo bản tự khai trình bày ý kiến hai cháu U và H có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà D. Do đó, để không làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở, học hành của con chung, vì vậy cần thiết giao hai cháu Lê Ngọc Mỹ U, sinh ngày 06/7/2018 và Lê Ngọc Khánh H, sinh ngày 12/6/2019 cho bà Nguyễn Hoài M Duyên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông S đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng/02 con (tức là 1.500.000 đồng/tháng/con).

Ông Lê Ngọc Trịnh S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết

[7] Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Ngọc Trịnh S phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Hoài Mỹ D không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc Trịnh S, cho ông Lê Ngọc Trịnh S được ly hôn với bà Nguyễn Hoài Mỹ D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung cháu Lê Ngọc Mỹ U, sinh ngày 06/7/2018 và cháu Lê Ngọc Khánh H, sinh ngày 12/6/2019 cho bà Nguyễn Hoài M Duyên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông S cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng/02 con (tức là 1.500.000 đồng/tháng/con) cho tới khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên cấp dưỡng không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương đương với thời gian chậm cấp dưỡng.

Ông Lê Ngọc Trịnh S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Ngọc Trịnh S phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông S đã nộp tại biên lai số 0012430 ngày 27/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Ông Lê Ngọc Trịnh S đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Hoài Mỹ D không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Ngọc Trịnh S, bà Nguyễn Hoài Mỹ D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- TAND TP. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- THADS TP. Đồng Nai;
- UBND xã An Viễn, TP. Đồng Nai;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh